TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/HNGĐ-ST.
Ngày: 03 – 5 – 2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Bà Thạch Thị Thúy Ái

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10/4/2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

2. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 19xx
Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Anh H, sinh năm 19yy
Địa chỉ: ấp P, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H quen biết khoảng 02 tháng thì tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị T cũng có yêu cầu anh H đi đăng ký kết hôn nhiều lần nhưng anh H không chịu đi. Sau khi lấy nhau, chị T và anh H sống tại nhà của

cha mẹ chị T. Anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, chị T bị bệnh hiểm nghèo, thường xuyên phải đi bệnh viện điều trị, anh H chán nản, không còn quan tâm chăm sóc chị T. Cũng từ đó, anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Từ đầu năm 2019 đến nay, chị T và anh H không còn sống chung với nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tiếp tục sống chung, chị T yêu cầu ly hôn anh H.

- Về nuôi con chung: Có 01 con tên L, sinh ngày 10/10/2006 (hiện đang sống với chị T). Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung Không có

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, đám cưới. Anh chị chung sống với nhau như vợ cHng mà không đăng ký kết hôn, do anh H không biết chữ, ngại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi lấy nhau, anh H và chị T sống chung nhà với cha mẹ chị T. Anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đầu năm 2019 đến nay, anh H và chị T không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm không còn, anh H đồng ý ly hôn chị T.

- Về nuôi con chung: Có 01 con tên L, sinh ngày 10/10/2006 (hiện đang sống với chị T). Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị T nuôi con, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung không có.

Tại biên bản hỏi ý kiến con ngày 10/4/2019, cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

*** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:**

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận chị T và anh H là vợ chồng; Về nuôi con chung: Chị T được nuôi con chung tên L, sinh ngày 10/10/2006. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu ly hôn anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T và anh H chung sống vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý..."

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

" 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. .." .

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau từ năm 2006 cho đến nay, chị T và anh H phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị T và anh H đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị T và anh H đã phát sinh mâu thuẫn do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do chị chị T và anh H không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định**:**

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..".

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

[2] Về con chung: 01 con tên L, sinh ngày 10/10/2006 (hiện đang sống với chị T). Khi ly hôn, chị T và anh H thống nhất thỏa thuận, chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, cũng như nguyên vọng của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh H là vợ chồng là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

2. Về nuôi con chung:

- Chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên L, sinh ngày 10/10/2006 (hiện đang sống với chị T).

- Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi.

- Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị T nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 10/4/2019 theo biên lai thu số 0009541 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT
- VKS ND TPSĐ
- THA Dân sự TPSĐ
- Các đương sự
- Lưu h/s

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thủy